TOÀ ÁN NHÂN DÂN ***HUYỆN C*** ***TỈNH TÂY NINH***	***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM*** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-5-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Bà Nguyễn Thị Kim Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 441/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1987; trú tại: Tổ 13, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Phạm Minh T, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 13, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Chị N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt, Anh T vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 11 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và Anh Phạm Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Kết hôn xong, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn và sống ly thân cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thường gây bất hòa, không đồng chung quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống cho riêng cho mình không còn liên quan gì với nhau, Chị N xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và Phạm Minh T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012. Hiện con chung đang sống với ba. Chị N đồng ý giao con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Anh Phạm Minh T không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do.

Tại phiên toà:

Tại tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Hồng N đối với Anh Phạm Minh T.

Về quan hệ con chung: Anh, chị chung sống có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và Phạm Minh T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012. Hiện con chung đang sống với Anh T. Chị N đồng ý giao 02 con chung cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Minh T là bị đơn trong vụ án vắng mặt không lý do. Căn cứ vào biên bản xác minh của Tòa án ngày 28 tháng 01 năm 2022 thì hiện tại Anh T có hộ khẩu tại Tổ 13, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh, sống chung với bố, mẹ Anh T. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và giấy triêu tập đương sự mời Anh T lên Tòa làm việc nhưng anh không đến Tòa làm việc cũng như không có lời khai về vụ án, Anh T đi về bất thường, thường xuyên vắng mặt tại địa phương vào giờ hành chính, Tòa án có tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với Anh T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng N và Anh Phạm Minh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Kết hôn xong, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẩn và sống ly thân cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thường gây bất hòa, không đồng chung quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay tình cảm không còn, không quan tâm đến nhau, ai cũng có cuộc sống riêng cho mình không còn liên quan gì với nhau, Chị N xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của Chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng chung sống cần có sự gần nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau và cùng có trách nhiệm với gia đình, con cái. Trong mối quan hệ vợ chồng của Chị N, Anh T không còn sự chia sẻ và đồng cảm, không hiểu nhau, không còn tình cảm, không hạnh phúc, thời gian sống ly thân của anh chị quá lâu không thể hàn gắng mối quan hệ vợ chồng được. Hiện Chị N và Anh T ai cũng có cuộc sống riêng cho mình, không còn tình cảm với nhau, không thương yêu nhau nên yêu cầu xin ly hôn của Chị N là có căn cứ chấp nhận.

Anh T không đến Tòa, không có lời trình bày, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho Anh T nhưng anh không đến Tòa là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình, không muốn hàn gắng mối quan hệ vợ chồng với Chị N nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và Phạm Minh T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012. Hiện con chung đang sống với Anh T từ nhỏ, Chị N đồng ý giao 02 con chung cho Anh T trực

tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục là phù hợp. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, Chị N có yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung, Anh T không đến tòa, không có ý kiến xác định về yêu cầu này của Chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trách nhiệm nuôi con chung là của ba và mẹ để bảo vệ quyền được nuôi dưỡng chăm sóc đối với 02 con chung. Chị N là mẹ, các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhưng Chị N từ bỏ trách nhiệm nuôi con chung, giao 02 con chung cho Anh T nuôi là chưa làm tròn trách nhiệm nhưng để ổn định cuộc sống cho các cháu nên cần giao 02 con chung cho Anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Chị N có yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung là không phù hợp nên cần buộc Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định là có că cứ. Cần buộc Chị N cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định tại điển a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Chị Nguyễn Thị Hồng N đối với anh Phạm Minh T. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với Anh Phạm Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02 tháng 11 năm 2007 và Phạm Minh T, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2012 cho Anh Phạm Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc Chị Nguyễn Thị Hồng N phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc các con chung. Anh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhận và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm Chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0016950 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh, Chị N phải nộp thêm 300.000 đồng.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND TỈNH Tây Ninh
- VKS ND huyện C
- THA huyện C
- Các Đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cái Thị Minh Tâm